TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2022.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Ba.

+ Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 228/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992.
- ***Bị đơn***: Chị Lê Thị T, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp A, xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Anh H và chị T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Quá trình sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù được hai bên gia đình hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Hiện cả hai không còn tình cảm với nhau và không còn sống chung với nhau nữa. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ.

Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung là Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 10/01/2015. Hiện con chung đang sống cùng chị T, anh H có yêu cầu giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không hợp tác nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về sự có mặt và vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị T cư trú tại xã BC huyện LT, tỉnh Đồng Nai, Anh H có đơn khởi kiện ly hôn với chị T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 114 ngày 22 tháng 10 năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, anh H và chị T có những bất đồng về quan điểm sống, thường gây gổ, cãi vã nhau, hiện vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung với nhau. Anh H yêu cầu ly hôn với chị T, Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh H và chị T tồn tại nhiều mâu thuẫn cả hai đã sống ly thân, Tòa án nhiều lần triệu tập anh H và chị T để hòa giải, nhưng chị T không hợp tác thể hiện thiện chí không muốn đoàn tụ. Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh H và chị T có một con chung Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 10/01/2015. Hiện cháu Y đang sống cùng chị T, anh H có ý kiến là giao con cho chị T nuôi. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Y là con gái nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt hơn cho việc phát triển tâm sinh lý của cháu Y.

Chị T nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 277, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H đối với chị Lê Thị T về việc "ly hôn".

Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 10/01/2015 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, Anh H và chị T vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, anh H có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005456 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Long Thành;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Long Thành;
- UBND xã (phường) nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Quốc Hoàn